



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TOÀN TẬP ĐOÀN FPT
QUÝ II NĂM 2011**

Tháng 07 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		9.018.714.049.902	8.839.022.362.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.785.765.054.942	1.436.127.765.530
1. Tiền	111		756.805.335.736	861.718.472.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.028.959.719.206	574.409.292.876
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	751.974.468.354	563.892.171.622
1. Đầu tư ngắn hạn	121		753.674.468.354	565.892.171.622
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.700.000.000)	(2.000.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.237.713.661.002	3.248.876.343.735
1. Phải thu khách hàng	131		2.506.435.944.569	2.355.779.082.971
2. Trả trước cho người bán	132		265.949.306.549	241.613.024.080
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		224.836.138.157	153.813.573.772
4. Các khoản phải thu khác	135	8	321.906.098.553	556.197.935.397
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(81.413.826.826)	(58.527.272.485)
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.124.575.472.383	2.448.471.898.690
1. Hàng tồn kho	141		2.136.339.107.009	2.460.453.718.041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.763.634.626)	(11.981.819.351)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.118.685.393.221	1.141.654.182.963
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		78.604.389.586	72.424.202.826
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		282.301.428.967	310.143.861.018
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7.311.033.719	12.448.920.935
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	750.468.540.949	746.637.198.184
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)	200		3.428.267.771.597	3.465.522.080.811
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		376.000.000	376.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		376.000.000	376.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.017.950.244.233	2.000.339.297.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.455.208.103.373	1.433.735.279.875
- Nguyên giá	222		2.546.275.195.616	2.393.560.750.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.091.067.092.243)	(959.825.470.647)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		655.395.177	730.633.347
- Nguyên giá	225		928.556.557	927.323.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(273.161.380)	(196.689.768)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	265.957.458.433	243.376.909.739
- Nguyên giá	228		369.498.593.725	328.891.186.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.541.135.292)	(85.514.276.954)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	296.129.287.250	322.496.474.075
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		901.655.446.495	978.169.714.467
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	716.514.190.517	714.707.561.179
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	201.209.852.500	273.704.891.300
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(16.068.596.522)	(10.242.738.012)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		286.571.836.973	264.922.825.412
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		174.936.499.964	154.930.449.508
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	79.446.455.936	76.063.911.140
3. Tài sản dài hạn khác	268		32.188.881.073	33.928.464.764
V. Lợi thế thương mại	269		221.714.243.896	221.714.243.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.446.981.821.499	12.304.544.443.351

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		6.618.197.744.594	7.255.512.891.181
I. Nợ ngắn hạn	310		4.691.588.027.639	5.439.122.118.786
1. Vay ngắn hạn	311	18	2.088.221.202.887	2.675.925.085.352
2. Phải trả người bán	312		1.099.347.231.326	1.150.176.696.403
3. Người mua trả tiền trước	313		317.391.835.761	210.726.704.950
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	235.365.903.848	242.203.522.628
5. Phải trả người lao động	315		155.244.536.173	211.764.307.064
6. Chi phí phải trả	316		344.277.152.133	218.871.640.449
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		15.758.832.101	30.226.884.835
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	221.255.743.288	286.391.139.496
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	26.492.600.514	32.544.452.120
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.401.308.267	155.375.371.131
11. Doanh thu chưa thực hiện	338		176.831.681.341	224.916.314.358
II. Nợ dài hạn	330		1.926.609.716.955	1.816.390.772.395
1. Phải trả dài hạn khác	333		8.209.371.007	10.294.803.322
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	1.913.631.131.179	1.800.359.913.819
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		359.264.224	359.264.224
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	21	1.548.645.649	1.587.566.129
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	2.912.888.859	2.936.645.570
6. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	339		(51.583.963)	852.579.331
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		4.590.718.561.527	3.983.400.714.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	4.587.968.561.527	3.980.650.714.548
1. Vốn điều lệ	411		1.934.805.170.000	1.934.805.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.012.320.245	60.012.320.245
3. Cổ phiếu quỹ	414		(25.200.000)	(692.150.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.538.280.153	17.276.091.131
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		113.177.755.456	112.945.897.606
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.471.357.226.412	1.856.200.376.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.750.000.000	2.750.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.238.065.515.378	1.065.630.837.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		12.446.981.821.499	12.304.544.443.351

Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 7 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ II NĂM 2011		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	9,329,771,741,836	10,723,957,823,329	19,528,866,964,890	18,741,488,117,363
	<i>Trong đó: - Doanh thu kinh doanh (*)</i>		<i>7,115,016,993,307</i>	<i>5,705,797,050,646</i>	<i>12,189,694,604,008</i>	<i>9,977,907,902,561</i>
	<i>- Doanh thu thuần bán cho bên thứ ba</i>		<i>6,960,723,889,193</i>	<i>5,583,541,897,077</i>	<i>11,957,515,399,152</i>	<i>9,768,624,877,145</i>
2	Giá vốn hàng bán	11	8,038,828,497,601	9,530,959,992,520	17,077,094,053,540	16,539,224,728,810
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1,290,943,244,234	1,192,997,830,809	2,451,772,911,350	2,202,263,388,552
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	167,928,466,738	100,535,093,228	299,226,119,686	216,150,991,371
5	Chi phí tài chính	22	175,450,423,438	38,819,290,961	479,730,469,981	187,007,569,579
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>91,544,648,188</i>	<i>52,272,278,730</i>	<i>190,688,943,664</i>	<i>126,604,097,606</i>
6	Chi phí bán hàng	24	190,289,243,276	279,380,272,305	336,017,698,074	504,400,727,738
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	444,244,201,684	387,074,030,354	811,731,663,136	718,640,710,138
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	648,887,842,574	588,259,330,417	1,123,519,199,846	1,008,365,372,468
9	Thu nhập khác	31	38,583,941,868	54,127,962,863	92,823,208,422	109,057,792,933
10	Chi phí khác	32	29,934,698,708	41,240,024,649	68,203,521,730	80,801,506,264
11	Lợi nhuận khác	40	8,649,243,160	12,887,938,214	24,619,686,692	28,256,286,669
12	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết		30,759,359,642	30,697,685,714	55,861,862,795	50,278,887,999
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	688,296,445,376	631,844,954,346	1,204,000,749,333	1,086,900,547,136
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	131,408,981,938	121,452,249,632	238,009,535,913	191,830,727,119
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	3,841,125,557	5,120,170,564	(3,382,544,794)	5,388,384,084
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	553,046,337,882	505,272,534,150	969,373,758,215	889,681,435,933
	<i>- Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>		<i>137,589,131,856</i>	<i>117,172,209,913</i>	<i>257,290,203,263</i>	<i>211,495,672,480</i>
	<i>- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>		<i>415,457,206,025</i>	<i>388,100,324,237</i>	<i>712,083,554,952</i>	<i>678,185,763,453</i>
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2,148	2,028	3,682	3,544

Ghi chú (*): Là doanh số bao gồm bán cho khách hàng bên ngoài và phần doanh thu bán cho các đơn vị trong tập đoàn với mục đích kinh doanh (ví dụ như doanh thu FPT Telecom bán dịch vụ Internet cho các đơn vị khác trong tập đoàn FPT)

Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 7 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.204.000.749.334	1.086.900.547.136
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	194.378.412.313	189.851.099.705
- Các khoản dự phòng	03	28.194.228.126	(10.939.656.682)
- (Lợi nhuận) từ đầu tư vào công ty liên kết	04	(41.841.342.838)	(43.856.352.805)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	05	(2.700.059.168)	3.672.737.204
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	06	(229.739.314.710)	(159.492.314.216)
- Chi phí lãi vay	07	122.418.145.611	126.604.097.606
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.274.710.818.668	1.192.740.157.948
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	42.827.288.161	(224.997.199.550)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	324.114.611.032	(438.315.481.854)
- (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(225.514.910.118)	(33.006.788.835)
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(26.186.237.216)	(22.404.576.083)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(112.405.491.732)	(82.881.580.826)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(196.114.017.738)	(145.097.529.280)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	31.275.215.306	298.331.376.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.112.707.276.363	544.368.378.080
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(195.143.562.110)	(447.849.918.393)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(187.782.296.732)	(1.056.800.876.422)
3. Tiền thu hồi cho vay của đơn vị khác	24	89.865.038.800	310.971.455.770
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.106.000.000)	(109.267.380.800)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	202.741.490.916	178.239.511.898
6. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		-	(226.995.189.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(100.425.329.126)	(1.351.702.396.947)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	18.146.090.000
2. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		-	35.457.180.000
3. Tiền chi góp vốn cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(845.720.000)	(1.379.860.000)
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.813.998.547.619	5.340.943.695.614
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.288.431.212.724)	(5.155.329.982.278)
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(187.366.272.720)	(30.215.039.197)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(662.644.657.825)	207.622.084.139
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	349.637.289.412	(599.711.934.728)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	1.436.127.765.530	2.310.510.026.631
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	1.785.765.054.942	1.710.798.091.903

Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 7 năm 2011

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 30/6/2011, Công ty Cổ phần FPT có 10 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty TNHH Tháp Láng Hạ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 17 tháng 5 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 1.934.805.170.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 11.264 người (31 tháng 12 năm 2010 là 11.424 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong năm của Tập đoàn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”) được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư, phát triển

Quỹ đầu tư, phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư, phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư, phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ tối đa 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)***Nộp học phí và phí*

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT, cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông: cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

Đầu tư: hoạt động hỗ trợ tài chính và tư vấn đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	17.246.893.288	10.920.995.380
Tiền gửi ngân hàng	736.968.857.448	850.791.841.774
Tiền đang chuyển	2.589.585.000	5.635.500
Các khoản tương đương tiền (i)	1.028.959.719.206	574.409.292.876
	<u>1.785.765.054.942</u>	<u>1.436.127.765.530</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay và ủy thác đầu tư ngắn hạn với thời hạn dưới một năm.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu từ trợ giá cho hàng bán	15.907.620.380	35.661.438.476
Các khoản phải thu khác	305.998.478.173	520.536.496.921
	<u>321.906.098.553</u>	<u>556.197.935.397</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	492.413.239.536	634.653.780.411
Công cụ, dụng cụ	7.591.539.266	7.276.998.469
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	245.688.096.663	287.261.878.433
Thành phẩm	275.504.180	5.204.318.859
Hàng hoá	1.390.370.727.364	1.526.056.741.869
Cộng	<u>2.136.339.107.009</u>	<u>2.460.453.718.041</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.763.634.626)	(11.981.819.351)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>2.124.575.472.383</u>	<u>2.448.471.898.690</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu phản ánh giá trị tiền ký quỹ, ký cược tại ngân hàng để mua ngoại tệ phục vụ việc nhập khẩu hàng hóa và tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	341.377.340.321	1.366.330.046.577	57.580.294.777	620.661.060.107	7.612.008.740	2.393.560.750.522
Tăng do mua sắm	102.234.968.386	30.621.033.823	3.967.749.365	64.588.939.056	280.777.882	201.693.468.512
Tăng khác	360.495.455	-	-	2.393.922.501	252.618.987	3.007.036.943
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.437.689.465)	(877.488.673)	(36.463.080.898)	(37.824.206)	(39.816.083.242)
Giảm khác	(49.519.636)	(1.090.251.184)	-	(10.947.548.595)	(82.657.704)	(12.169.977.119)
Tại ngày 30/6/2011	443.923.284.526	1.393.423.139.751	60.670.555.469	640.233.292.171	8.024.923.699	2.546.275.195.616
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	35.521.785.991	570.040.967.482	17.312.621.151	334.747.380.112	2.202.715.911	959.825.470.647
Khấu hao trong kỳ	8.115.513.404	70.476.727.830	5.257.472.064	91.720.713.242	486.281.895	176.056.708.435
Tăng khác	-	-	-	1.140.493.298	964.350.510	2.104.843.808
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.021.391.590)	(467.920.839)	(34.843.964.765)	(30.380.758)	(38.363.657.952)
Giảm khác	(2.324.113)	(1.075.005.176)	-	(7.478.943.406)	-	(8.556.272.695)
Tại ngày 30/6/2011	43.634.975.282	636.421.298.546	22.102.172.376	385.285.678.481	3.622.967.558	1.091.067.092.243
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2011	400.288.309.244	757.001.841.205	38.568.383.093	254.947.613.690	4.401.956.141	1.455.208.103.373
Tại ngày 31/12/2010	305.855.554.330	796.289.079.095	40.267.673.626	285.913.679.995	5.409.292.829	1.433.735.279.875

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là khoảng 497.546 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoảng 503.101 triệu đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	23.979.324.875	175.351.445	94.803.352.204	209.933.158.169	328.891.186.693
Mua trong kỳ	26.897.503.580	-	13.955.635.397	-	40.853.138.977
Tăng khác	-	-	36.555.233	67.322.046	103.877.279
Giảm khác	-	-	(349.609.224)	-	(349.609.224)
Tại ngày 30/6/2011	50.876.828.455	175.351.445	108.445.933.610	210.000.480.215	369.498.593.725
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	450.454.208	175.351.445	49.863.761.213	35.024.710.088	85.514.276.954
Khấu hao trong kỳ	216.193.162	-	10.256.375.349	7.772.663.755	18.245.232.266
Tăng khác	-	-	65.915.998	-	65.915.998
Giảm khác	-	-	(284.289.926)	-	(284.289.926)
Tại ngày 30/6/2011	666.647.370	175.351.445	59.901.762.634	42.797.373.843	103.541.135.292
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	50.210.181.085	-	48.544.170.976	167.203.106.372	265.957.458.433
Tại ngày 31/12/2010	23.528.870.667	-	44.939.590.991	174.908.448.081	243.376.909.739

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tòa nhà FPT 89 Láng Hạ	95.149.974.041	67.188.870.943
Dự án HH4 - Nam An Khánh	88.842.822.708	83.566.328.590
Trường Trung học cơ sở FPT	38.208.213.575	35.848.201.333
Tòa nhà FPT Đà Nẵng	2.611.592.900	1.182.891.187
Phát triển trò chơi trực tuyến	4.564.100.000	3.678.700.000
Đại học FPT	50.568.577.696	28.777.179.603
Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	7.727.206.912	5.869.363.592
Dự án Khu công nghệ cao TP. HCM	-	93.967.948.750
Khác	8.456.799.418	2.416.990.077
	296.129.287.250	322.496.474.075

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/6/2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	92,26%	92,26%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	66,07%	66,07%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, 1 Láng Hòa Lạc, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	91,79%	91,79%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	43,06%	43,06%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	Số 25 ngõ 68 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	131 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	51,15%	84,45%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	Số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	99,8%	100%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 43,06% phần vốn (31/12/2010: 43,06%) và nắm giữ 43,06% quyền biểu quyết (31/12/2010: 43,06%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	714.707.561.179	381.217.015.904
Đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ	(7.264.000.000)	265.671.420.000
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	41.841.342.838	87.904.125.275
Cổ tức nhận được	(32.770.713.500)	(20.085.000.000)
Số dư cuối kỳ	716.514.190.517	714.707.561.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/6/2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	20%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	25%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	16,90%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

(i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,90% quyền biểu quyết (31/12/2010: 16,90%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Do đó, báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ủy thác đầu tư qua Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	115.620.000.000	195.209.038.800
Quỹ Đầu tư Việt Nam (BVIM)	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	44.870.000.000	36.300.000.000
Khác	10.719.852.500	12.195.852.500
	<u>201.209.852.500</u>	<u>273.704.891.300</u>

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
	Tài sản cố định VND	thực hiện VND	Doanh thu VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	24.490.010.700	17.320.885.988	34.253.014.452	76.063.911.140
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	3.344.260.963	-	38.283.833	3.382.544.796
Tại ngày 30/6/2011	27.834.271.663	17.320.885.988	34.291.298.285	79.446.455.936

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY NGẮN HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)	2.080.417.783.317	2.666.043.768.250
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.803.419.570	9.881.317.102
	<u>2.088.221.202.887</u>	<u>2.675.925.085.352</u>

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp và tín dụng thư. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc USD. Các khoản vay này không có đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	48.944.996.299	86.215.411.119
Thuế xuất, nhập khẩu	28.192.827.885	36.601.849.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.454.661.696	107.559.480.359
Thuế thu nhập cá nhân	6.256.330.309	6.798.195.800
Thuế nhà thầu	2.332.354.734	1.997.126.568
Thuế khác	184.732.925	3.031.459.110
	<u>235.365.903.848</u>	<u>242.203.522.628</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14,746,610,740	14,123,409,767
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4,129,616,182	1,993,744,097
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	81,368,408,230	21,470,124,720
Phải trả tiền cổ tức	2,935,926,866	2,892,536,467
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhận trước từ nhà cung cấp	90,933,226,465	88,171,050,775
Phải trả khoản lãi nhận trước	-	43,823,333,333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27,141,954,805	113,916,940,337
	<u>221,255,743,288</u>	<u>286,391,139,496</u>

21. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm (i)	26.492.600.514	32.544.452.120
Trợ cấp mất việc làm	1.548.645.649	1.587.566.129
Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay (ii)	2.912.888.859	2.936.645.570
	<u>30.954.135.022</u>	<u>37.068.663.819</u>

- (i) *Dự phòng bảo hành sản phẩm*

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG (Tiếp theo)**(ii) Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay**

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập trên cơ sở xếp hạng tín dụng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, và được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trái phiếu (i)	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
Vay ngân hàng	308.302.021	359.913.819
Khác (ii)	113.322.829.158	-
	<u>1.913.631.131.179</u>	<u>1.800.359.913.819</u>

- (i) Thẻ hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009, tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ VND, lãi suất 7%/năm, đáo hạn năm 2012 ("Trái Phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 09 tháng 10 năm 2011, ngày 09 tháng 10 năm 2012, ngày 09 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 09 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; do vậy, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13,324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng/Chứng quyền.

- (ii) Thẻ hiện các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi suất và có thời hạn 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Vốn điều lệ	VND						
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.438.319.670.000	54.851.281.360	(2.805.550.000)	5.986.559.541	103.009.261	94.761.377.392	1.408.284.573.142	2.999.500.920.696
Phát hành cổ phiếu	18.146.090.000	5.161.038.885	-	-	-	-	-	23.307.128.885
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.264.506.352.990	1.264.506.352.990
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	2.113.400.000	-	-	-	-	2.113.400.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	18.401.646.528	(18.401.646.528)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(126.450.635.299)	(126.450.635.299)
Cổ tức	478.339.410.000	-	-	-	-	-	(671.738.268.000)	(193.398.858.000)
Biến động khác	-	-	-	11.289.531.590	-	(217.126.314)	-	11.072.405.276
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.934.805.170.000	60.012.320.245	(692.150.000)	17.276.091.131	103.009.261	112.945.897.606	1.856.200.376.305	3.980.650.714.548
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	712.083.560.097	712.083.560.097
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	666.950.000	-	-	-	-	666.950.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	236.631.490	(236.631.490)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(96.690.078.500)	(96.690.078.500)
Biến động khác	-	-	-	(8.737.810.978)	-	(4.773.640)	-	(8.742.584.618)
Số dư tại ngày 30/6/2011	1.934.805.170.000	60.012.320.245	(25.200.000)	8.538.280.153	103.009.261	113.177.755.456	2.471.357.226.412	4.587.968.561.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	193.480.517	193.480.517
Cổ phiếu đã phát hành	193.480.517	193.480.517
Cổ phiếu phổ thông	193.376.774	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	103.743	501.693
Cổ phiếu quỹ	(2.520)	(69.215)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(2.520)	(69.215)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	193.477.997	193.411.302
Cổ phiếu phổ thông	193.376.774	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	101.223	432.478

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, được thực hiện như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/6/2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	712.083.560.097	678.185.763.453
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	193.401.955	191.373.463
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.682	3.544

Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 7 năm 2011
